

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/HS-ST
Ngày 18 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Nguyễn Văn Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc V, sinh năm 1992, tại Hải Phòng; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thu G; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28 tháng 03 năm 2024. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (đã chết).

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại** là bà Nguyễn Thị Áu; nơi cư trú: xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty A; địa chỉ trụ sở: phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Sĩ B.; nơi cư trú: quận Hồng Bàng, Hải Phòng; là đại diện theo uỷ quyền. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Văn Th; có mặt.

2. Anh Nguyễn Hồng S; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc V là lái xe cho Công ty A, có giấy phép lái xe ô tô hạng C (giá trị đến năm 2026). Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/12/2023, V điều khiển xe ô tô tải BKS 15C-050.80 theo hướng từ thị trấn Minh Đức đi xã Gia Đức để lấy nguyên liệu sản xuất xi măng tại bãi số 131. Khi đi đến khu vực đoạn rẽ sang phần đường ngược chiều để vào cổng bãi số 131 khoảng 20m, V bật tín hiệu đèn xi nhan chuyển hướng sang phần đường bên trái, V quan sát thấy phía trước ở phần đường ngược chiều cách khoảng 40m có 01 xe mô tô BKS 15B4-34232 do anh Lê Văn T điều khiển theo hướng xã Gia Đức đi thị trấn Minh Đức. V điều khiển xe ô tô chuyển hướng sang trái. Khi V điều khiển xe ô tô chuyển hướng đến giữa phần đường bên trái, thì cùng lúc xe mô tô của anh T đi đến đã va chạm vào phần đầu xe ô tô của V khiến xe mô tô lao sang lề đường bên phải. V xuống xe kiểm tra thì phát hiện anh T tử vong tại chỗ nên đã đến cơ quan Công an trình diện.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu thập các dấu vết: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông đường bộ thuộc địa phận tổ dân phố Chiến Thắng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, đường hai chiều, mỗi làn rộng 08m tim đường có dải phân cách cứng bằng bê tông rộng 3m, khu vực ngã ba giao cắt giữa đường liên xã, thị trấn Minh Đức và đường đi mở khai thác khoáng sản. Hiện trường được khám nghiệm theo hướng xã Gia Đức về hướng thị trấn Minh Đức, điểm mốc được xác định là biển báo chú ý đoạn đường hay xảy ra tai nạn trên lề đường phải; biển báo đoạn đường thi công trên lề đường trái, mép đường hai bên khu vực xảy ra tai nạn giao thông theo hướng khám nghiệm. Một vết phanh (số 1) trên mặt đường (kích thước 0,5x7m), tâm vết phanh cách điểm mốc được xác định là biển báo đoạn đường thi công trên lề đường trái theo hướng khám nghiệm là 7,2m và cách mép đường trái là 10m. Một vết phanh (số 2) trên mặt đường (kích thước là 0,8x0,2m), tâm vết phanh này cách tâm vết phanh (số 1) ở trên là 1,9m và cách mép đường trái là 14m. Một vết phanh (số 3) trên mặt đường (kích thước 0,5x0,2m), tâm vết phanh này cách tâm vết phanh (số 2) ở trên là 1,8m và cách mép đường phải là 15,8m. Một vết dầu loang và một số mảnh nhựa vỡ trên mặt đường (kích thước 1,8x2m), tâm vết này cách điểm mốc được xác định là biển báo chú ý đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông trên lề đường phải là 40m và cách mép đường phải là

2,5m, cách tâm vết phanh (số 3) ở trên là 1,1m. Một xe ô tô tải biển kiểm soát 15C-05080 đỗ trên mặt đường đi mở khai thác khoáng sản, đầu xe hướng mở khai thác khoáng sản, đuôi xe hướng đường liên xã, thị trấn Minh Đức; trục bánh xe phía trước bên trái cách mép đường phải là 6,3m, trục bánh xe phía sau bên trái cách mép đường phải là 2,6m. Một tử thi (số 6) nằm ngửa trên lề đường phải; đầu tử thi hướng đường liên xã, thị trấn Minh Đức, cách mép đường phải là 4,7m; chân tử thi hướng mở khai thác khoáng sản, cách mép đường phải là 5,2m và cách trục bánh xe phía sau bên trái xe ô tô tải biển kiểm soát 15C-05080 là 07m. Một mảnh nhựa (số 7) vỡ (kích thước 25x35cm) nằm trên lề đường phải và cách mép đường phải là 0,9m, tâm mảnh nhựa vỡ này cách tâm đầu tử thi là 4m. Một xe mô tô biển kiểm soát 15B4-34232 đổ nghiêng phải trên lề đường phải; đầu xe hướng lề đường phải, đuôi xe hướng tim đường; trục bánh xe phía trước cách mép đường phải là 2,3m và cách tâm mảnh nhựa vỡ (số 7) là 09m; trục bánh xe phía sau cách mép đường phải là 1,3m và cách tâm vết dầu loang là 21,5m (bút lục số 16, 17).

Kết quả khám nghiệm tử thi anh Lê Văn T ghi nhận các dấu vết thương tích: các vết xây xước da vùng trán phải (kích thước 10x6cm); vùng trán trái, vùng thái dương trái (kích thước 11x4cm); vùng má phải, sống mũi, môi trên (kích thước 12,5x10cm); vùng môi dưới cằm (kích thước 4x5cm); xây xước da bầm tím mặt sau tai phải (kích thước 3x1,5cm); xây xước da vành tai trái (kích thước 01x01cm), kiểm tra không thấy dấu hiệu gãy vỡ xương hộp sọ, hàm, mặt, gãy răng cửa hàm trên bên phải. Các vết xây xước da vùng ngực (kích thước 0,5x0,5 cm), gãy xương lồng ngực trái; các vết xây xước da mặt ngoài vai phải (kích thước 01x01 cm), mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải, mu bàn ngón tay phải (kích thước 21x7cm), mặt trước trong 1/3 trên cẳng tay phải (kích thước 3,5x0,3cm), mặt ngoài 1/3 trên cánh tay trái (kích thước 7,5x3cm), mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái (kích thước 03x0,5 cm), mặt trước 1/3 dưới cẳng tay trái (kích thước 1,5x 01cm), gãy 1/3 trên xương cánh tay trái, không gãy xương tay phải. Vết bầm tím mặt trong đùi phải (kích thước 20x9cm), các vết xây xước da mặt trước trong giữa đùi phải (kích thước 01x01cm), xây xước da bầm tím mặt trước trong gôi phải (kích thước 01x01cm), bầm tím mặt trước gôi phải (kích thước 4x2cm); vết xây xước da mặt ngoài đùi trái (kích thước 27x6cm), mặt trước ngoài gôi trái (kích thước 8x6,5cm); vết thương rách xước da mặt trước cổ chân trái, mu bàn chân trái (kích thước 22x10cm), không gãy vỡ xương hai chân (bút lục số 88, 89).

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 310/2023/KLGĐTT-TTPYHP kết luận: Lê Văn T chết vì đa chấn thương, chấn thương ngực nặng. Các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên, tìm thấy Ethanol trong mẫu dịch máu của Lê Văn T, nồng độ 139,3 mg/100ml máu, không tìm thấy các chất ma túy trong mẫu dịch máu của T.

Kết quả kiểm tra không phát hiện thấy nồng độ cồn và các chất ma túy trong cơ thể Nguyễn Quốc V.

Tiến hành khám các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn, Cơ quan điều tra thu thập các dấu vết:

- Xe ô tô biển kiểm soát 15C-05080: tại mặt ngoài phía trên bên trái ba đờ sóc bằng kim loại có đám mài xước bẹp lõm kim loại, bề mặt bong sơn chiều hướng trượt xước từ phải sang trái (kích thước 65x30cm), điểm lõm kim loại cách mặt đất 93cm, cách góc bên trái ba đờ sóc 40cm, chiều hướng từ phải sang trái, từ trước ra sau. Ốp nhựa phía trên ba đờ sóc bị bung bật chốt mấu hãm, không còn ở vị trí ban đầu (kích thước 30x26cm). Cụm đèn pha và đèn tín hiệu phía trước bên trái bị xô lệch bật chốt mấu hãm chiều hướng từ trước về sau. Ốp kim loại phía bên trái của cụm đèn pha bên phải bị cong vênh biến dạng, bung bật chốt mấu hãm, chiều hướng từ phải sang trái, từ trước về sau. Ốp kim loại phía trên ba đờ sóc bị bẹp lõm biến dạng theo chiều từ trước về sau, từ phải sang trái (kích thước 70x30cm), vị trí tâm vết lõm cách mặt đất 140cm, cách chân gương chiếu hậu bên trái 36cm. Hệ thống đèn còi phanh hoạt động bình thường.

- Xe mô tô biển kiểm soát 15B4- 34232: phần đầu tay nắm ghi đông bằng kim loại bị mài xước (kích thước 3,5x1,5cm), chiều hướng từ trước về sau, bề mặt ngoài toàn bộ tay nắm bám dính tạp chất dạng bùn đất. Góc phía trên bên phải hộp đầu phanh bằng kim loại bị mài xước (kích thước 5x1cm), chiều hướng từ trước về sau, chệch từ trái sang phải. Phần đầu tay phanh bên phải bị mài vệt kim loại (kích thước 1,5x1,5cm), chiều hướng từ trước về sau. Toàn bộ cụm đèn chiếu sáng, cụm đèn tín hiệu chuyển hướng và cụm đồng hồ hiển thị tốc độ bị bung bật ra khỏi vị trí ban đầu. Ốp nhựa phía trước đầu xe phía trước cụm đèn chiếu sáng bằng nhựa, sơn màu trắng bị bung bật không còn ở vị trí ban đầu, bề mặt bám dính tạp chất dạng sơn màu xanh trên diện (kích thước 10x8cm), phần tay nắm ghi đông, tay côn phía trước bên trái bị bung bật không còn vị trí ban đầu. Chấn bunn phía trước bằng nhựa bị bung bật không còn vị trí ban đầu. Toàn bộ phần mặt ngoài sườn xe bên phải bị mài xước trên diện rộng (kích thước 50x40cm). Phần đầu phanh chân bên phải bị mài xước kim loại (kích thước 2x0,5cm). Toàn bộ bề mặt ống xả bên phải bị mài xước kim loại trên diện rộng (kích thước 30x8cm), chiều hướng từ trước về sau, chệch từ dưới lên trên. Biển số xe mô tô bị gãy vỡ bung bật chốt mấu hãm, không còn ở vị trí ban đầu. Toàn bộ sườn xe bên phải và trái yên xe bám dính tạp chất dạng bùn.

Tại Bản Kết luận số 285/KLGD ngày 29/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận dấu vết va chạm giữa các phương tiện: dấu vết trượt xước mất mất sơn (màu đen), bề mặt bám dính tạp chất màu xanh (dạng sơn) theo chiều từ trước về sau ở đầu tay lái bên trái xe mô tô biển kiểm soát 15B4- 34232 phù hợp dấu vết bẹp lõm, rách kim loại, bề mặt trượt xước mất sơn (màu xanh), bám dính tạp chất màu đen (dạng sơn) theo chiều từ phải sang trái (từ bên phụ sang bên lái) ở mặt ngoài phía trên bên trái cản trước xe ô tô biển kiểm soát 15C-05080.

Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐDGTS ngày 08/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Phụ tùng thay thế và công sửa

chữa xe mô tô biển kiểm soát 15B4- 34232 của nạn nhân Lê Văn T là 6.005.000đồng. Đối với xe ô tô biển kiểm soát 15C-05080 do hư hỏng nhẹ nên đại diện Công ty A không yêu cầu định giá tài sản.

Về vật chứng: Quá trình điều tra xác định xe ô tô biển kiểm soát 15C-050.80 là tài sản của Công ty A, xe mô tô biển kiểm soát 15B4- 34232 là của anh Lê Văn T. Sau khi tiến hành xong các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản trên cho chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp là đảm bảo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 130/CT-VKSTN ngày 14 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Quốc V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc V mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách áp dụng tương ứng. Bị cáo là lao động chính trong gia đình nên không áp dụng khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo xin được nhận lại giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Quốc V, xét thấy đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 29/12/2023, tại đường liên xã thuộc địa phận tổ dân phố Chiến Thắng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, bị cáo Nguyễn Quốc V đã điều khiển xe ô tô BKS 15C-050.80 chuyển hướng sang đường không đảm bảo an toàn dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS 15B4-34232 do anh Lê Văn T điều khiển hậu quả làm anh Lê

Văn T tử vong. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc V đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật Giao thông đường bộ “*Trong khi chuyển hướng, người lái xe....phải.... nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác*”. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc V đã đủ yếu tố cấu thành phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và gây thiệt hại đến tính mạng của người khác. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo. Đại diện hợp pháp cho người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã chủ động đến trình diện với cơ quan Công an nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự (nhân thân tốt), bị cáo có việc làm và là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội. Có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm công việc lái xe để có thu nhập nuôi bản thân và gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, Nguyễn Quốc V cùng gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 170.000.000 đồng, đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và không yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 15B4- 34232. Xe ô tô biển kiểm soát 15C-050.80 bị hư hỏng nhẹ, đại diện Công ty A không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Quốc V, xét thấy đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo xin được nhận lại nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt Nguyễn Quốc V 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã Tân Dương, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho Nguyễn Quốc V Giấy phép lái xe số 310163839570 mang tên Nguyễn Quốc V cấp ngày 25 tháng 02 năm 2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)